

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **52/2021/DS-ST**

Ngày: 04/6/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Châu Tiếp

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp C, xã C1, huyện C2, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông A: Bà A1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 121A, D, phường D1, thành phố D2, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông B, sinh năm 1993;

Bà B1, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ1, thị xã Đ2, tỉnh Tiền Giang.

(Bà A1, bà B1 có mặt; ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông A có bà A1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do chỗ quen biết và tin tưởng nhau nên vào ngày 22/4/2020 ông A có cho vợ chồng ông B và bà B1 vay số tiền 50.000.000 đồng, lúc vay có thỏa

thuận lãi suất miệng là 5%/tháng, lúc vay tiền thì ông B nói là vay để làm ăn, thời hạn vay khi nào ông A cần tiền thì ông B, bà B1 sẽ trả lại. Khi vay tiền ông B có viết giấy cho mượn tiền đề ngày 22/4/2020. Từ lúc vay đến nay thì bị đơn không có trả số tiền vốn hay tiền lãi nào cho nguyên đơn. Từ tháng 6/2020 cho đến nay, ông A đã nhiều lần yêu cầu ông B, bà B1 trả cho ông số tiền đã mượn nhưng ông B, bà B1 không trả mà cố tình hứa hẹn kéo dài thời gian cho đến nay.

Nay ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà B1 phải liên đới trả cho ông A số tiền vốn vay 50.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, yêu cầu trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Quốc Cường trình bày:

Ông có vay của ông A số tiền 50.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất bằng miệng. Từ lúc vay đến nay thì ông chưa trả cho ông A số tiền vốn vay, ông có trả tiền lãi đến khoảng tháng 10/2020 thì ông ngưng không trả lãi nữa, ông không nhớ cụ thể số tiền lãi ông đã trả tổng cộng là bao nhiêu, lúc trả lãi thì không có làm biên nhận, không có ai chứng kiến việc ông trả lãi. Lúc ông vay tiền của ông B thì bà B1 không biết, đến khi ông A vô nhà đòi tiền thì bà B1 mới biết. Giấy cho mượn tiền đề ngày 22/4/2020 là do ông viết và ký tên. Hiện nay ông còn nợ ông A số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng. Ông đồng ý trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng, nhưng xin trả dần hàng tháng với tiền 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

Tại phiên tòa ông B đã được Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B vắng mặt không lý do.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà B1 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông B. Số tiền này là do ông B mượn, bà không biết, chỉ đến khi ông A vô nhà đòi tiền thì bà mới biết. Nên bà không đồng ý trả cùng ông B số tiền trên. Vào thời điểm ông B vay tiền của ông A thì gia đình ông B có một chiếc ghe và ông B làm nghề bơm cát thuê cho người ta, tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì do ông B lo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tân Hiệp, xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông A có bà A1 là đại diện theo ủy quyền yêu cầu bị đơn ông B và bà B1 phải liên đới trả cho ông A số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: ý kiến trình bày của bà A1 là đại diện ủy quyền của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn ông B thống nhất về việc ông B có vay của ông A số tiền 50.000.000 đồng. Ông B cũng thừa nhận giấy cho mượn tiền đề ngày 22/4/2020 là do ông B viết, ông B có ký tên vào phần người mượn tiền, ông B cũng đồng ý trả số tiền vốn 50.000.000 đồng còn nợ ông A. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn bà B1 liên đới cùng với ông B trả số tiền vốn 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: theo lời trình bày của bà A1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn lúc ông A cho ông B vay tiền thì chỉ có ông B đến vay, lúc vay tiền chỉ có ông B nhận tiền, nhưng khi vay thì ông B nói là cho hai vợ chồng ông B vay để dùng làm vốn làm ăn. Bị đơn ông B trình bày lúc ông vay tiền thì bà B1 không biết. Tại phiên tòa, bà B1 trình bày lúc ông B vay tiền của ông A thì bà không biết chỉ khi ông A đến nhà đòi tiền thì bà mới biết, nhưng bà trình bày vào thời điểm vay tiền của ông A thì gia đình ông B có một chiếc ghe và ông B làm nghề bơm cát thuê cho người ta, tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì do ông B lo. Mặc dù, bà B1 không trực tiếp đi cùng ông B đến nhà ông A để vay tiền nhưng bà B1 trình bày tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình là do ông B lo, bà B1 là vợ của ông B, đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên bà B phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với ông B theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A, buộc bị đơn ông B, bà B1 có nghĩa vụ liên đới cùng trả cho nguyên đơn ông A số tiền vốn vay 50.000.000 đồng.

[7] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật; ông B xin trả dần. Do các bên đương sự không thỏa thuận được thời gian trả nợ nên về phương thức trả, thời gian trả số tiền 50.000.000 đồng do các bên thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 50.000.000 đồng, nên bị đơn ông B và bà B1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 50.000.000 đồng. Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Số tiền án phí bị đơn ông B và bà B1 phải liên đới chịu là 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A.

Buộc bị đơn ông B và bà B1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông A số tiền vốn vay 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông B và bà B1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng.

Hoàn lại ông A số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí ông A đã nộp theo biên lai thu số 0006647 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông A (có đại diện theo ủy quyền là bà A1), bà B1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Thoa